

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2017

“ Xin ly hôn theo yêu cầu một bên ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Như Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Lê Tú Trinh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc: *“Xin ly hôn theo yêu cầu một bên”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí Đ**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Về hôn nhân: Giữa chị với anh Nguyễn Chí Đ kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng cha mẹ một thời gian thì ra sống tự lập và phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do việc làm ăn, buôn bán không hiệu quả dẫn đến vợ chồng cự cãi và không tôn trọng nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích không đạt và đã sống ly thân từ tháng 3/2015 cho đến nay nhưng vẫn không quan tâm và lo lắng cho nhau. Nay để tạo điều kiện cho cuộc sống sau này cho cả hai bên, chị yêu cầu tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị với anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng cũng không có tài sản chung.

Nợ chung: Vợ chồng không có nợ bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào.

Theo bản tự khai anh Nguyễn Chí Đ gửi tòa án trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013 anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và cũng từ đó sống ly thân cho tới nay, nay chị M xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có nợ.

Ngày 05/7/2017 anh Nguyễn Chí Đ có làm đơn xin được vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xin xét xử vắng mặt với lý do anh phải đi làm ăn xa không đến được tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng, anh Nguyễn Chí Đ là bị đơn, quá trình tòa án thụ lý giải quyết anh Đ đã có bản khai gửi tòa án cũng như có đơn xin được vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xin xét xử vắng mặt với lý do hiện anh đi làm ăn xa (tỉnh Bình Dương) nên không thể tham dự giải quyết tại tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, sau khi có quyết định hoặc bản án thì anh Đ thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Xét quan hệ hôn nhân: Giữa chị M và anh Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn,

quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là về kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến việc mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2015 cho đến nay và không còn liên hệ, quan tâm chăm sóc nhau, cho thấy hôn nhân của chị Mai và anh Đ không đạt được mục đích. Quá trình giải quyết vụ kiện thể hiện các bên đều có nguyện vọng được ly hôn, nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia xử ly hôn cho các đương sự.

Về con chung, tài sản cũng như công nợ giữa chị M và anh Đ xác nhận không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị M yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001597 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Chí Đ.

Về con chung: Không có không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền án phí tạm nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001597 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (coi như đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án này hoặc bản án này được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- UBND xã Hòn Nghê H. KL;
- Các đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Như Tám